

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24-6-2022

V/v : Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Phương

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Việt Trung
2. Bà Nguyễn Thị Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/06/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị Tuyết P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn X, xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn X, xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-4-2022, lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Chu Thị Tuyết P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Tuyết P chung sống như vợ chồng với anh Lê Văn H từ tháng 10/1995 trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau có hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy, ngày càng sa đà

vào tệ nạn xã hội, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Chị P đã cố gắng hàn gắn tình cảm bằng cách tự đưa anh đi cai nghiện ma túy ở Hà Nội một thời gian, trở về anh vẫn không từ bỏ được ma túy, năm 2019 anh bị cưỡng chế đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái nhưng anh không chấp hành, đến cuối năm 2021 mới chấp hành đi cai nghiện ma túy. Nhận thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn H có 02 người con chung là Lê Trung H, sinh ngày 20-6-1996 và Lê Hải Y, sinh ngày 24-02-2007. Cháu H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Y, ly hôn nguyên vọng của chị là được nuôi cháu Y, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 02- 6- 2022, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H nhất trí với lời trình bày của chị Chu Thị Tuyết P, anh và chị P chung sống như vợ chồng trên cơ sở tự do tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống có hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị bạn bè rủ rê, lôi kéo đi vào con đường nghiện ngập ma túy. Từ tháng 7/2021 đến nay anh phải đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái, chị P không đến thăm anh, cũng không còn quan tâm đến anh. Nay chị P làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Chu Thị Tuyết P có 02 người con chung là Lê Trung H, sinh ngày 20-6-1996 và Lê Hải Y, sinh ngày 24-02-2007. Cháu H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Y, anh không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, ngày 28-4-2022 chị Chu Thị Tuyết P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 38, Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

- Không công nhận chị Chu Thị Tuyết P và anh Lê Văn H là vợ chồng.
- Về con chung: Giao cháu Lê Hải Y cho chị Chu Thị Tuyết P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.
- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Chị Chu Thị Tuyết P và anh Lê Văn H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Chị P có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn H hiện đang có hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TY.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Chu Thị Tuyết P và anh Lê Văn H có thời gian để đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vi phạm theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống do anh H nghiện ma túy, chị P cùng gia đình đã khuyên bảo nhiều, nhưng không có kết quả, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Đối với anh Lê Văn H mặc dù không nhất trí ly hôn, nhưng bản thân anh không tạo dựng được hạnh phúc gia đình cũng như niềm tin cho chị P và các con mà vẫn tiếp tục nghiện ma túy. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị Tuyết P.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị Chu Thị Tuyết P và anh Lê Văn H công nhận có 02 người con chung là Lê Trung H, sinh ngày 20-6-1996 và Lê Hải Y, sinh ngày 24-02-2007. Cháu H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Y có nguyện vọng được ở với mẹ là Chu Thị Tuyết P, chị P cũng có nguyện vọng được nuôi con. Anh H hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện tỉnh Yên Bái chưa thể

chăm sóc được cho cháu Y. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị Tuyết P, chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Chu Thị Tuyết P và anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản chung và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Chu Thị Tuyết P phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận chị Chu Thị Tuyết P và anh Lê Văn H là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lê Hải Y, sinh ngày 24-02-2007 cho chị Chu Thị Tuyết P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Chu Thị Tuyết P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001859 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái ngày 22-4-2022.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng*

*chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Các đương sự;
- UBND xã MQ;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Phương**